

Số: 35/2021/QĐST-HNGĐ

S, ngày 5 tháng 2 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Đới Công T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 714 đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng

+ Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1990

Địa chỉ: 714 đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 01 năm 2021, người yêu cầu là ông Đới Công T và bà Võ Thị Ngọc T đã thỏa thuận được như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Đới Công T và bà Võ Thị Ngọc T kết hôn vào năm 2018, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà T cho rằng ông T sống thiếu trách nhiệm với vợ con, bà cũng trình bày là bản thân không còn tình cảm với chồng. Đối với ông T, ông xác định không còn tình cảm với bà T nên ông bà thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, cả ông T và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả ông T và bà T đều không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân này. Do đó cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T, và bà T.

[2] Về con chung: Ông Đới Công T và bà Võ Thị Ngọc T xác định vợ chồng có 01 con chung là Đới Minh N, sinh ngày 23/10/2017. Ly hôn ông bà thống nhất giao con chung Minh Ngọc cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đồng (mười triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 2/2021 vào ngày 01 hàng tháng.

Xét, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn giữa ông T, bà T là hoàn toàn tự nguyện nên cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông T, bà T

[3] Về tài sản chung: ông Đới Công T và bà Võ Thị Ngọc T xác định vợ chồng không có tài sản chung

[4] Về nợ chung: ông Đới Công T và bà Võ Thị Ngọc T xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Đới Công T và bà Võ Thị Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn ngày 25 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đới Công T và bà Võ Thị Ngọc T thống nhất thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 8/01/2018 của Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý*)

- Về quan hệ con chung: Ông T, bà T thỏa thuận: Giao con chung là Đới Minh N, sinh ngày 23/10/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đồng (mười triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 2/2021 vào ngày 01 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông T, bà T xác định không có

- Về nợ chung: ông T, bà T xác định không có

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng ông T, bà T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **9504 ngày 5/01/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông T, bà T đã nộp đủ lệ phí.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND Q. S;
- Các đương sự;
- CC THADS Q. S;
- UBND P.A,
quận S, TP. Đà Nẵng;

THẨM PHÁN

Phùng Anh Dũng

- *Lưu hồ sơ vụ án.*